TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **157**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Ông **Nguyễn Quốc Thanh**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Võ Thị Chúc Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Lâm Thị Thanh Thúy -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Tuyết C**, sinh năm: 1982. Cư trú: Tổ 05, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hội Đông, An Phú, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Võ Thành L**, sinh năm: 1980. Cư trú: Tổ 05, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hội Đông, An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà C nộp đơn xin ly hôn với ông L với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do tự tìm hiểu nhau trước rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, thường xuyên gây cãi. Hai người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Hùng.

Về quan hệ con chung: Có một con chung, Võ Thành Liêm, sinh ngày 17/12/2011 hiện cháu đang sống chung với bà C, khi ly hôn bà C yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng,

Ông L vắng mặt, không có trình bày ý kiến.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà C và ông L có mâu thuẫn vợ chồng và không thể hàn gắn được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Trần Thị Tuyết C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Thành L , xác định quan hệ tranh chấp "Hôn nhân và gia đình, xin ly hôn", bà C là nguyên đơn, ông L là bị đơn. Ông L có nơi cư trú tại ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên xét thuộc thẩm quyền thụ L và giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, ông L vắng mặt. Xét thấy bà C và ông L sống chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay có đăng ký kết hôn do đó được xem là hôn nhân hợp pháp nên công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông L là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà C và ông L Có một con chung, Võ Thành Liêm, sinh ngày 17/12/2011 hiện cháu đang sống chung với bà C,

Bà C có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ lúc ly thân cho đến nay thì cháu Liêm sống chung với bà C nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi con

chung của bà C và công nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con, tuy nhiên ông L vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông L có yêu cầu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà C biết: Bà C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà C khai không có. Do ông L vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông L có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết C**

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết C được ly hôn với ông Võ Thành L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 157, ngày 17/12/2012 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp L kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà C được nuôi con chung tên Võ Thành Liêm, sinh ngày 17/12/2011.

Công nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Bà C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006686 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà C đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2022) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Võ Thành L được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi